

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

TT	Tiêu chí	Số TC đạt cuối 2024	1. Quy hoạch	2. Giao thông	3. Thủy lợi và PCTT	4. Điện	5. Trường học	6. CS vật chất văn hóa	7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	8. Thông tin và Truyền thông	9. Nhà ở dân cư	10. Thu nhập	11. Nghèo đa chiều	12. Lao động	13. Pô chức sản xuất và PTKT nông thôn	14. Giáo dục và Đào tạo	15. Y tế	16. Văn hóa	17. Môi trường và an toàn thực phẩm
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Xã Ba Vì	12	x		x	x			x	x	x			x	x	x		x	

Ghi chú: Tiêu chí đạt đánh dấu X
Tiêu chí chưa đạt bỏ trống.

biểu 1

18. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	19. Quốc phòng và An ninh	Số TC đến /8/2025	Ghi chú
20	21	22	23
x	x	12	

CÁC CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI ĐẠT VÀ CHƯA ĐẠT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Đánh giá sau mức độ (so với chuẩn)	
				Nêu cụ thể nội dung đã triển khai thực hiện, nội dung chưa thực hiện	Đạt/chưa đạt; đạt bao nhiêu %
I. QUY HOẠCH					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021-2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt		Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt		Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI					
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	(39,4/38,2km)	Chưa đạt (96.95%)
		2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥80%	(21,47/13,35km)	Chưa đạt (62,18%)
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (cứng hóa ≥55%)	(7,69/9,09km)	Đạt 84,59%
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% (cứng hóa ≥55%)	Xã không quy hoạch đường trục chính nội đồng	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Đánh giá sau mức độ (so với chuẩn)	
				Nêu cụ thể nội dung đã triển khai thực hiện, nội dung chưa thực hiện	Đạt/chưa đạt; đạt bao nhiêu %
3	Thủy lợi và phòng chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	$\geq 80\%$; tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương loại III $\geq 60\%$	17,347/24,297km	Đạt 71,40 %
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đã xây dựng PAPCTT&TKCN	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Các thôn, khu dân cư đã có điện lưới quốc gia	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 95\%$	2829/2.829 hộ	Đạt (100%)
		Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định, cụ thể:			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Đánh giá sau mức độ (so với chuẩn)	
				Nêu cụ thể nội dung đã triển khai thực hiện, nội dung chưa thực hiện	Đạt/chưa đạt; đạt bao nhiêu %
5	Trường học	- Các xã có hơn 3 trường	100% đạt tiêu chuẩn CSVN tối thiểu, trong đó $\geq 70\%$ đạt tiêu chuẩn CSVN mức độ 1	Trường TH&THCS và Trường MN Ba Tiêu đến năm 2025 chỉ đạt khoảng 70% tiêu chuẩn CSVN ở mức tối thiểu nên chưa đạt (nếu xây dựng và đạt 100% CSVN ở mức tối thiểu thì sẽ đạt được $\geq 70\%$ tiêu chuẩn CSVN đạt mức độ 1 đối với xã có hơn 3 trường).	66,66%
		- Các xã có từ 3 trường trở xuống	CSVN tối thiểu, trong đó $\geq 50\%$ đạt tiêu chuẩn CSVN		
		6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã, cụ thể:			
		6.1.1. Quy hoạch bố trí được quỹ đất ở vị trí trung tâm để xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, đảm bảo mọi người dân trong vùng đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Đánh giá sau mức độ (so với chuẩn)	
				Nêu cụ thể nội dung đã triển khai thực hiện, nội dung chưa thực hiện	Đạt/chưa đạt; đạt bao nhiêu %
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1.2. Diện tích đất quy hoạch của nhà Văn hóa hoặc hội trường đa năng	$\geq 300 \text{ m}^2$	Đạt	Đạt
		6.1.3. Diện tích đất quy hoạch của khu thể thao xã (chưa tính SVĐ xã)	$\geq 1.000 \text{ m}^2$	Có	Đạt
		6.1.4. Quy mô chỗ ngồi của nhà Văn hóa hoặc hội trường đa năng xã	≥ 150 chỗ ngồi	400 chỗ ngồi	Đạt
		6.1.5. Trang thiết bị của nhà Văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao xã	Đạt $\geq 60\%$	Có	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định cụ thể:			
		6.2.1. Có ít nhất 01 điểm vui chơi, giải trí độc lập cho người già và trẻ em	- Có thể bố trí trong khuôn viên Trung tâm Văn hóa - Thể thao.	Có	Đạt
			- Đảm bảo trang thiết bị hoạt động phù hợp với trẻ em và người cao tuổi	Có	Đạt
		6.2.2. Cam kết lộ trình đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí cho người già và trẻ em	Đạt	Có	Đạt
		6.2.3. Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em	Đạt	Có	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Đánh giá sau mức độ (so với chuẩn)	
				Nêu cụ thể nội dung đã triển khai thực hiện, nội dung chưa thực hiện	Đạt/chưa đạt; đạt bao nhiêu %
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	Nhà văn hóa của 4 thôn: Giá Vực, Nước Tĩa, Krây và Mang Biều hiện nay đã xuống cấp trầm trọng, chưa có trang thiết bị, không đảm bảo cho việc tổ chức hội họp và sinh hoạt của người dân, nhất là vào mùa mưa. Một số NVH thôn chưa có trang thiết bị như: bàn ghế, hệ thống âm thanh, tivi, bức phát biểu, tường rào, cổng ngõ, sân thể dục - thể thao (bóng chuyền)...	Chưa đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Có	Có nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt
8	Thông tin và	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Có	Có Bưu điện xã	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Có	Có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và cụm loa đến các thôn:	Có	Có	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Đánh giá sau mức độ (so với chuẩn)	
				Nêu cụ thể nội dung đã triển khai thực hiện, nội dung chưa thực hiện	Đạt/chưa đạt; đạt bao nhiêu %
	Truyền thông	8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Có	có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥75%	85%	Đạt
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/ người)	≥48	45.000 triệu đồng/người/năm	Chưa đạt
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	<13%	Đã điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025.	31,75%
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥70%	80%	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥20%	40%	Đạt
		13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng	Đạt	Có	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Có	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Đánh giá sau mức độ (so với chuẩn)	
				Nêu cụ thể nội dung đã triển khai thực hiện, nội dung chưa thực hiện	Đạt/chưa đạt; đạt bao nhiêu %
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	≥01 sản phẩm	Có	Đạt
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Có	Có	Đạt
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Có	Có	Đạt
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ:			
		- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt
		- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Đạt	Đạt	Đạt
		- Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	≥98%	99,9%	Đạt
		- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2	Đạt	Đạt	Đạt
		- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	≥70%	85%	Đạt
	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%	98%	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Đánh giá sau mức độ (so với chuẩn)	
				Nêu cụ thể nội dung đã triển khai thực hiện, nội dung chưa thực hiện	Đạt/chưa đạt; đạt bao nhiêu %
15	Y tế	15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt		Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 24\%$	52,4%	Chưa đạt
		15.4. Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử	Đạt	Đạt	Đạt
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới, cụ thể:			
		- Tỷ lệ thôn được công nhận danh hiệu văn hóa 3 năm liên tục	$\geq 60\%$	Đạt	Đạt
		- Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa 3 năm liên tục	$\geq 60\%$	Đạt	Đạt
		17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Xã khu vực III: $\geq 20\%$	Đạt	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	$\geq 90\%$	đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (97%)	Đạt
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 02 \text{ m}^2/\text{người}$	Tại các khu dân cư có đất cây xanh sử dụng công cộng	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Đánh giá sau mức độ (so với chuẩn)	
				Nêu cụ thể nội dung đã triển khai thực hiện, nội dung chưa thực hiện	Đạt/chưa đạt; đạt bao nhiêu %
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Có quy hoạch khu nghĩa trang nhân dân thôn Giá Vực tại thôn Nước Xuyên nhưng chưa xây dựng	Chưa đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥70%		Đạt
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%		Đạt
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥70%		Đạt
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥60%		Đạt
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%		Đạt
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥30%		Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥30%		Đạt
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ					
		18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt		Đạt
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt		Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Đánh giá sau mức độ (so với chuẩn)	
				Nêu cụ thể nội dung đã triển khai thực hiện, nội dung chưa thực hiện	Đạt/chưa đạt; đạt bao nhiêu %
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%		Đạt
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt		Đạt
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt		Đạt
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Có		Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt		Đạt
		không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt		Đạt